

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXX

Phẩm 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 4

Khi ấy, các Lục sư sinh tâm ganh tỵ, cùng nhau kéo đến chỗ vua Ba-tư-nặc tâu: “Đại vương nên biết! Đất nước của đại vương sạch sẽ, yên tịnh, đúng là chỗ của người xuất gia trú ngụ. Do vậy, chúng tôi vì việc này mà đến đây. Tâu đại vương! Đại vương dùng chánh pháp trị nước, trừ họa cho dân. Sa-môn Cù-đàm tuổi nhỏ, học thuật kém cỏi, không có đạo thuật. Nước này lúc trước có bậc đức kỳ cựu, vậy mà Cù-đàm tự ý mình dòng tộc vua chúa nên không cung kính. Nếu là dòng họ vua thì lẽ ra phải trị dân còn như ông ta xuất gia thì phải tôn kính bậc đức đức. Xin đại vương minh xét! Sa-môn Cù-đàm thật chẳng phải sinh trong dòng vua. Sa-môn Cù-đàm nếu có cha mẹ thì có gì còn cướp đoạt cha mẹ của người khác? Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi có nói: “Trải qua một ngàn năm sẽ có một yêu thuật huyền hóa xuất hiện”. Đó chính là Sa-môn Cù-đàm. Do vậy, nên biết Sa-môn Cù-đàm không có cha mẹ. Nếu có cha mẹ thì sao lại nói: “Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ?”. Do dùng huyền thuật nên làm các chúng sinh mê hoặc. Người ngu tin nhận, người trí không theo. Tâu đại vương! Nhân vương là cha mẹ của thiên hạ, bình đẳng như cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng, như pháp mà đoán định sự việc, không phân biệt thân, sơ. Sa-môn Cù-đàm không cho chúng tôi sinh sống, đuổi theo chúng tôi sát gót không rời. Cúi xin đại vương cho chúng tôi cùng với Cù-đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù-đàm thắng chúng tôi thì chúng tôi sẽ tùy thuộc ông ta. Còn nếu chúng tôi thắng thì ông ta sẽ tùy thuộc chúng

tôi”. Vua bảo: “Này các Đại đức! Các ông ai cũng có pháp tu hành, chỗ trú ngụ cũng không giống nhau. Nay ta biết chắc chắn Như Lai Thế Tôn không gây trở ngại cho các ông”. Lục sư nói: “Sao là không gây trở ngại! Sa-môn Cù-đàm dùng pháp huyền thuật để dụ dỗ, dối gạt làm cho mọi người cùng Bà-la-môn quy phục ông ta hết cả. Nếu đại vương cho chúng tôi cùng với Cù-đàm so sánh đạo lực thì tiếng tăm đại vương sẽ vang khắp tám phương. Còn nếu đại vương không đồng ý thì tiếng xấu sẽ đồn khắp các ngã đường”. Vua bảo: “Này các Đại đức! Vì các ông chưa biết đạo lực, oai thần uy nghiêm của Đức Như Lai mới xin giao đấu. Nếu biết thì nhất định các ông sẽ kính sợ không dám”. Lục sư tâu: “Tâu đại vương! Nay Đại vương đã bị pháp huyền thuật của Cù-đàm rồi sao? Cúi xin đại vương xét kỹ lại cho, chớ khinh thường chúng tôi là mù mờ, nói khoác chi bằng cho kiểm nghiệm thì sẽ biết thật hư”. Vua bảo: “Được lắm! Được lắm!”. Lục sư cùng đồ chúng vui vẻ ra về. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc liền bảo chuẩn bị xa giá và đi đến chỗ Ta, cung kính đánh lễ, đi quanh bên phải ba vòng rồi lui ngồi một bên thưa: “Bạch Thế Tôn! Lục sư đến xin so sánh đạo lực với Thế Tôn. Con chẳng biết tính sao nên đã mạo muội đồng ý”. Phật dạy: “Lành thay đại vương! Lành thay đại vương! Chỉ còn cách xây thêm tự viện ở khắp nơi trong nước này. Vì sao? Vì nếu Như Lai cùng với Lục sư so sánh đạo lực thì người được Như Lai giáo hóa ở trong chúng ấy rất nhiều, chỗ này chật hẹp làm sao dung chứa hết”.

Này thiện nam! Khi ấy suốt cả mười lăm ngày, vì Lục sư nên Như Lai thị hiện đại thần thông biến hóa hiếm có, làm cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng chúng sinh tin theo Tam bảo không còn nghi ngờ, vô lượng đồ chúng của Lục sư phá được tâm tà kiến, xuất gia trong chánh pháp, vô lượng chúng sinh được tâm bất thoái chuyển đối với quả vị Bồ-đề, vô lượng chúng sinh đắc các môn Tam-muội Đà-la-ni, vô lượng chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Bấy giờ, Lục sư trong lòng xấu hổ, cùng nhau kéo đến thành Ba-chỉ-đa dạy dân chúng ở đó tin theo pháp tà, nói Sa-môn Cù-đàm giảng nói cái gì cũng không.

Này thiện nam! Khi ấy, vì mẫu thân, Ta ở nơi cây Ba-lợi-chất-đa thuộc cõi trời Đao-lợi an cư, nói pháp. Khi đó, Lục sư rất vui mừng thốt lên: “Hay thay! Hay thay! Cù-đàm huyền thuật nay đã diệt mất!”. Họ lại dạy cho vô lượng vô số chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng thưa với Mục-kiền-liên: “Kính bạch Đại đức! Cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sinh đi vào đường tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại đức lên cõi trời ấy đánh lễ Thế Tôn, thưa giúp chúng tôi: “Ví như trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu không có sữa mẹ chắc chắn sẽ chết. Chúng sinh chúng con cũng như vậy, ngưỡng mong Đức Như Lai thương xót chúng sinh mà trở về nơi này”. Khi ấy, Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Nhanh như khoảng thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên đã lên đến cõi trời ấy, đến chỗ Thế Tôn thưa: “Bạch Thế Tôn! Bốn chúng trong cõi Diêm-phù-đề khát ngưỡng muốn thấy nghe giáo pháp của Như Lai. Vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng v.v... xin đánh lễ nơi chân Thế Tôn. Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, đi vào đường tăm tối thật đáng thương xót, chẳng khác nào trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu không có sữa mẹ thì chắc chắn sẽ chết. Chúng con cũng như vậy, ngưỡng mong Như Lai vì chúng sinh mà về lại cõi Diêm-phù-đề”. Ta bảo Mục-liên: “Ông nay nhanh trở về cõi Diêm-phù-đề báo với quốc vương và bốn bộ chúng rằng, sau bảy ngày nữa Ta sẽ trở về, và vì hàng Lục sư mà đến thành Bà-chỉ-đa”. Qua bảy ngày, Ta cùng với trời Đế Thích, Phạm, Ma, vô lượng Thiên tử và tất cả người trời Thủ-đà-hội vây quanh trước sau, cùng đến thành Bà-chỉ-đa. Khi ấy Ta nói như vậy: “Chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, lìa các lỗi lầm xấu ác. Nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa-môn và Bà-la-môn, có thường có ngã, có Niết-bàn thì điều này không đúng”. Bấy giờ vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lục sư cùng nói với nhau: “Nếu trong pháp ta thật không có Sa-môn và Bà-la-môn thì sao lại được thế gian cúng dường?” Khi ấy, hàng Lục sư này lại cùng nhau tập hợp đi đến thành Tỳ-xá-ly.

Này thiện nam! Có một thời, Ta trú ngụ trong rừng Am-la của thành Tỳ-xá-ly. Hay tin Ta ở đó, nàng Am-la muốn đến chỗ Ta. Khi ấy, Ta dạy các Tỳ-kheo: “Nên quán niệm xứ, khéo tu trí tuệ, tùy pháp tu tập, chớ có buông lung. Thế nào gọi là quán niệm xứ? Nếu có Tỳ-kheo quán sát trong thân, thấy không ngã và ngã sở, quán sát ngoài thân và cả trong lẫn ngoài thân đều không thấy có ngã và ngã sở, quán thọ, tâm, pháp cũng lại như vậy thì đó gọi là niệm xứ. Thế nào gọi là tu tập trí tuệ? Nếu có Tỳ-kheo thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo một cách chân thật thì đó gọi là Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. Thế nào gọi là tâm không buông lung? Nếu có Tỳ-kheo-niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên thì đó gọi là Tỳ-kheo tâm không buông lung”. Khi ấy, nàng Am-la đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ, đi quanh ba vòng, rồi lui ngồi một bên.

Này thiện nam! Khi ấy, vì nàng Am-la Ta giảng nói pháp thích hợp. Nghe xong, nàng ta liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ, trong thành ấy có năm trăm Lê-xa đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi qua một bên. Ta lại vì các Lê-xa-tử mà giảng pháp một cách thích hợp: “Này các thiện nam! Người buông lung có năm hậu quả. Những gì là năm? Một là không được tài lợi và tự tại. Hai là tiếng xấu đồn xa. Ba là không thích bố thí cho người nghèo. Bốn là không thích thấy bốn chúng. Năm là không được thân chư Thiên. Này các thiện nam! Do không buông lung nên sinh ra các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải chuyên cần tu tập pháp không buông lung. Xét người buông lung lại có mười ba quả báo: Một là ưa làm việc thế gian. Hai là hay nói lời vô ích. Ba thường thích ngủ nhiều. Bốn là thích nói chuyện thế gian. Năm là thích gần gũi bạn ác. Sáu là thường biếng trễ. Bảy là thường bị người khác khinh chê. Tám là dầu có nghiên cứu học hỏi cũng liền quên mất. Chín là thích ở nơi biên địa. Mười là không thể chế ngự các căn. Mười một là ăn không biết đủ. Mười hai là chẳng thích yên tĩnh. Mười ba là chỗ thấy biết chẳng chân chánh. Này thiện nam! Người buông lung tuy được gần Phật và Thánh chúng nhưng vẫn được xem là xa cách”. Các Lê-xa-tử nói: “Chúng

con tự biết mình là người buông lung. Vì sao? Vì nếu chúng con không buông lung thì đáng Như Lai Pháp Vương đã xuất hiện ở chỗ chúng con”. Khi ấy, trong chúng có Bà-la-môn tên là Vô Thắng nói với các Lê-xa-tử: “Hay lắm! Hay lắm! Đúng như lời nhân giả nói. Vua Tần-bà-sa-la đã được lợi ích lớn. Như Lai Thế Tôn xuất hiện ở nước ấy, giống như hoa sen vì diêu mọc trong ao lớn, tuy mọc trong nước nhưng không bị nước làm dơ bẩn. Nay các Lê-xa-tử! Đức Phật cũng như vậy, tuy sinh trong nước đó nhưng không bị ngăn ngại bởi pháp thế gian. Chư Phật Thế Tôn không có xuất nhập, vì chúng sinh nên thị hiện ở đời, nhưng không bị pháp thế gian làm ngăn ngại. Nay các nhân giả! Tự các ông đam mê năm dục nên chẳng biết mình đi đến gần gũi chỗ Như Lai. Cho nên gọi là người buông lung, chứ chẳng phải do Phật xuất hiện ở nước Ma-kiệt-đà mới cho mình là người buông lung. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời, mặt trăng, chẳng vì một người hay hai người mà xuất hiện ở đời”. Nghe những lời nói này, các Lê-xa-tử liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và nói như vậy: “Hay thay! Hay thay! Lời của Đồng tử Vô Thắng nói thật là tuyệt diệu”. Khi ấy, các Lê-xa-tử đều tự mình cởi tấm y đang mặc trên thân để cúng cho Vô Thắng. Vô Thắng nhận rồi đem dâng lên Như Lai và thưa như vậy: “Bạch Thế Tôn! Con có được tấm y này là từ Lê-xa, ngưỡng mong Như Lai thương xót chúng sinh mà nhận vật con dâng cúng”. Khi ấy, vì thương Vô Thắng nên Ta nhận. Cùng lúc đó, các Lê-xa chấp tay thưa: “Ngưỡng mong Như Lai ở đây an cư một mùa và thọ nhận sự cúng dường bé nhỏ của con”. Ta im lặng nhận lời mời của các Lê-xa. Lúc đó, Lục sư nghe việc này xong, liền dẫn đồ chúng đến thành Ba-la-nại. Bấy giờ, Ta lại đến trú ngụ bên sông Ba-la của thành Ba-la-nại. Trong thành này, có một trưởng giả tên là Bảo Xứng đam mê năm dục, chẳng biết vô thường. Nhờ Ta đến nên ông ấy tự nhiên đắc pháp quán bạch cốt, thấy cung điện, nhà cửa, thể nữ v.v... toàn là xương trắng. Tâm ông ta lo sợ như dao, rắn độc, giặc, lửa. Ông liền ra khỏi nhà chạy đến chỗ Ta, dọc đường miệng luôn kêu: “Sa-môn Cù-đàm ơi, nay tôi như bị giặc đuổi, thật kinh hãi, xin cứu giúp tôi”. Ta bảo: “Này thiện nam! Phật, Pháp, chúng Tăng an ổn, không có

điều kinh sợ”. Trưởng giả thưa: “Nếu trong Tam bảo không có điều gì kinh sợ thì con cũng sẽ được không kinh sợ”. Ta liền cho ông ấy xuất gia tu đạo. Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn, nghe tin Bảo Xứng nhằm chán năm dục đi xuất gia, liền cùng xuất gia. Nghe việc này, Lục sư liền dời đến đại thành Chiêm-bà. Tất cả dân chúng trong nước Chiêm-bà đều phụng sự các đồ chúng Lục sư, có nhiều người tạo các nghiệp rất ác vì trước giờ chưa từng nghe danh Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy, Ta vì chúng sinh nên đến thành Chiêm-bà. Trong thành này có vị đại trưởng giả không có con nối dòng nên phụng thờ Lục sư để cầu con. Sau đó không lâu, vợ của trưởng giả có thai. Biết vậy rồi, trưởng giả vui mừng đến chỗ Lục sư, hỏi: “Thai vợ tôi mang là trai hay là gái?” Lục sư nói: “Chắc sinh con gái”. Nghe vậy, Trưởng giả sinh tâm buồn phiền. Lại có người bạn đến hỏi Trưởng giả: “Vì sao ông ưu sầu quá vậy?” Trưởng giả đáp: “Vợ tôi có thai chưa biết con trai hay con gái nên tôi đến hỏi Lục sư, Lục sư xem rồi nói rằng chắc chắn là sinh con gái. Nghe lời nói này, tôi tự nghĩ, mình đã già, tài sản vô lượng, nếu không có con trai thì không có ai để giao phó. Do nghĩ vậy mà tôi sầu não”. Người bạn lại nói: “Ông chẳng có trí tuệ, trước đây ông không nghe sao? Anh em Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp là đệ tử của ai? Là đệ tử của Phật hay của Lục sư? Nếu Lục sư là bậc Nhất thiết trí thì tại sao Ca-diếp bỏ họ, không phụng thờ mà làm đệ tử Phật? Lại như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v..., các quốc vương như Tần-bà-sa-la v.v..., các phu nhân của vua như bà Mạt-lợi v.v..., Trưởng giả các nước như Tu-đạt v.v..., những người như vậy chẳng phải là đệ tử của Phật sao? Quỷ thần Khoáng dã, vua A-xà-thế, voi say Hộ tài, Ương-quật-ma-la tâm ác mạnh mẽ muốn hại mẹ mình, những hạng người như thế chẳng phải được Đức Như Lai điều phục sao? Nay trưởng giả! Đối với tất cả các pháp, Đức Như Lai Thế Tôn thấy biết không ngăn ngại, cho nên gọi là Phật. Ngài dạy không có hai lời, cho nên gọi là Như Lai. Vì đoạn sạch phiền não cho nên gọi là A-la-ha. Lời Thế Tôn nói rất ráo không có hai. Lục sư thì chẳng phải vậy, đâu đáng để tin. Nay Đức Như Lai ở gần đây, nếu huynh muốn biết sự thật thì nên đến chỗ Phật”. Khi ấy, trưởng giả liền cùng với bạn đến chỗ Ta, cung kính

đánh lễ, đi quanh bên phải ba vòng, quỳ xuống đất chấp tay, thưa: “Bạch Thế Tôn! Đối với tất cả chúng sinh, Thế Tôn xem là bình đẳng không hai, oán thân như nhau. Con bị ái dục trói buộc nên chưa thể xem kẻ oán người thân là không hai được. Nay con muốn hỏi Như Lai việc này, nhưng tự thấy xấu hổ nên chưa dám nói ra. Bạch Thế Tôn! Vợ con có thai, Lục sư khẳng định là sinh con gái, không biết việc này như thế nào?”. Ta đáp: “Này trưởng giả! Thai vợ ông mang chắc chắn là con trai. Đứa bé chào đời phước đức không ai bằng”. Nghe Ta nói như vậy, trưởng giả rất vui mừng, phấn khởi ra về. Khi ấy, nghe Ta huyền ký con của trưởng giả chào đời là nam nhi có phước đức lớn, Lục sư sinh tâm ganh ghét, liền dùng quả Am-la hòa với thuốc độc rồi đem đến nhà trưởng giả nói: “Cù-đàm giỏi thật! Khéo đoán tướng ấy, vợ ông sắp sinh nên uống thuốc này. Uống rồi thì hài nhi sẽ được đẹp, người sinh sẽ được an ổn”. Trưởng giả vui mừng thọ nhận thuốc độc ấy rồi đem cho vợ uống, uống xong chết tươi. Lục sư thích ý, lớn tiếng truyền rao khắp nơi trong thành: “Sa-môn Cù-đàm huyền ký vợ trưởng giả ấy sẽ sinh con trai, phước đức của đứa bé thiên hạ chẳng ai sinh bằng. Nay con chưa sinh mà mẹ đã mất”. Bấy giờ, đối với Ta, trưởng giả sinh tâm bất tín. Trưởng giả y theo pháp thế gian tẩm liệm vợ vào quan tài, đem ra ngoài thành chất nhiều củi khô để hỏa táng. Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc này, bảo A-nan lấy y cho Ta, Ta đến đó dẹp trừ tà kiến.

Bấy giờ, trời Tỳ-sa-môn bảo đại tướng Ma-ni-bạt-đà: “Nay Đức Như Lai muốn đến bãi tha ma đó, Khanh hãy mau đến đó sửa sang, quét tước an trí tòa sư tử, tìm hoa hương thơm, trang hoàng nơi ấy”. Khi ấy, Lục sư trông thấy Ta từ xa đi đến, liền nói với nhau: “Sa-môn Cù-đàm đến bãi tha ma này để ăn thịt chăng?” Lúc này, có nhiều Ưu-bà-tắc chưa đắc pháp nhân đều ngại ngùng thưa với Ta: “Vợ ông ta đã chết, xin Như Lai chớ đến đó”. Lúc đó, A-nan bảo với mọi người: “Hãy đợi chốc lát nữa Như Lai sẽ rộng mở hiển bày cảnh giới chư Phật”. Sau khi Ta đến ngôi nơi tòa sư tử, trưởng giả vấn nạn: “Lời nói không sai khác nên được xưng Thế Tôn. Mẹ đã chết rồi làm sao sinh con?” Ta chỉ đáp: “Này trưởng giả! Hôm trước, ông chỉ hỏi bào thai là trai hay gái, chứ đâu có hỏi về mạng của người

mẹ dài hay vấn? Chư Phật Như Lai nói ra không sai khác. Vì vậy nên biết chắc chắn là ông được con”. Lúc đang hỏa thiêu thì bụng tử thi nứt ra, xuất hiện một đứa bé ngồi ngay thẳng giữa đồng lửa giống như chim uyên ương đậu nơi đài sen. Lục sư thấy vậy nói: “Cù-đàm yêu quái giỏi làm huyền thuật”. Thấy cảnh này, trưởng giả rất vui mừng, quở trách Lục sư: “Nếu nói là huyền sao ông không làm?”. Khi ấy, Ta bảo Kỳ-bà: “Ông vào trong lửa ẵm đứa bé lại đây”. Kỳ-bà bước đến, Lục sư cản lại nói: “Sa-môn Cù-đàm làm huyền thuật không phải lúc nào cũng được, có lúc thành, có lúc không thành. Nếu ông vào trong đó thì khó tránh khỏi bị lửa thiêu đốt. Nay ông vì sao tin lời nói ấy?” Kỳ-bà đáp: “Đức Như Lai sai tôi vào trong lửa dữ địa ngục A-tỳ, lửa ấy còn chẳng thể thiêu đốt, huống chi là lửa thế gian”. Kỳ-bà bước vào đồng lửa giống như người lội trong sông lớn mát mẻ, bế đứa bé đến trao cho Ta. Nhận đứa bé xong, Ta bảo trưởng giả: “Thọ mạng của tất cả chúng sinh mong manh giống như bọt nước. Chúng sinh nếu có nghiệp thiện sâu dày thì lửa chẳng thiêu đốt, độc chẳng thể gây hại. Nghiệp quả của hải nhi này chẳng phải do Ta tạo ra”. Trưởng giả tán thán: “Lành thay! Bạch Thế Tôn! Đứa bé này đã được hưởng mệnh trời, cúi xin Như Lai đặt tên cho nó”. Ta bảo: “Này trưởng giả! Đứa bé này sinh trong lửa dữ, lửa tên là thọ đề, nên gọi nó là Thọ Đề”. Khi ấy, vô lượng chúng sinh ở trong chúng hội thấy thần thông biến hóa của Ta liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Lục sư đi khắp sáu thành nhưng chẳng có chỗ nào ở yên được nên xấu hổ, cúi đầu đi về phía thành Câu-thi-na. Đến đây rồi, họ đi rao truyền: “Mọi người nên biết! Sa-môn Cù-đàm là nhà đại ảo thuật, dối gạt thiên hạ khắp cả sáu thành lớn. Ví như nhà ảo thuật tạo ra bốn binh: binh xe, binh ngựa, binh voi, binh bộ; hoặc biến ra các loại anh lạc, thành ấp, cung điện, nhà cửa, sông hồ, cây cối. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, hóa ra thân Sa-môn Cù-đàm, thân Bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân nhỏ, thân lớn, thân quý thân, thân súc sinh; hoặc có lúc nói vô thường, hoặc có lúc nói hữu thường, hoặc có lúc nói khổ, hoặc có lúc nói vui, hoặc có lúc nói bất ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói tịnh, hoặc có lúc nói bất

tịnh, hoặc lúc nói có, có lúc nói không. Vì đây là những việc làm hư vọng nên gọi là huyễn. Ví như hạt giống như thế nào thì kết trái như thế ấy. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, được sinh từ bà Ma-da, mẹ đã là huyễn thì con cũng chẳng phải là không huyễn. Sa-môn Cù-đàm không có tri kiến chân thật. Các Bà-la-môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh, giữ gìn giới cấm còn chưa cho là mình có tri kiến chân thật, hướng chi là Cù-đàm tuổi còn nhỏ, học thức cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh thì làm sao mà có được tri kiến chân thật. Như tu khổ hạnh tròn bảy năm mà còn cho là nhiều, hướng chi là Cù-đàm tu tập chưa đầy sáu năm! Chỉ có người ngu, vô trí mới tin giáo pháp của ông ta. Như nhà huyễn thuật giỏi đối gạt người ngu, Sa-môn Cù-đàm cũng như thế”.

Này thiện nam! Cứ như vậy, Lục sư ở trong thành lớn này làm tăng trưởng tà kiến cho các chúng sinh.

Này thiện nam! Thấy những việc như vậy, Ta rất thương xót nên dùng thần lực của mình triệu thỉnh các vị Đại Bồ-tát ở khắp mười phương vân tập về khu rừng này chật cả bốn mươi do-tuần. Nay ở trong chúng này, đồng dạy tuyên thuyết đại pháp như tiếng rống của sư tử chúa.

Này thiện nam! Ở chỗ trống vắng, dù có nói nhiều pháp cũng chẳng được gọi là gầm rống tiếng sư tử. Ở trong đại chúng toàn những bậc trí tuệ như ở đây mà nói pháp thì mới thật gọi là gầm rống tiếng đại sư tử. Gầm rống tiếng sư tử là nói tất cả các pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh. Bấy giờ, Lục sư lại nói: “Nếu Cù-đàm có ngã thì ta cũng có ngã. Cái mà gọi là ngã là cái thấy (gọi là ngã). Này Cù-đàm! Ví như có người hướng vào bên trong thấy vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, thấy là dụ cho ngã”. Ta bảo Lục sư: “Nếu nói thấy gọi là ngã thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như ví dụ của ông mới dẫn, nhân nơi hướng mà thấy, thì người ở một hướng sáu căn đều dùng, nếu chắc chắn có ngã là nhân cái thấy của mắt thì vì sao trong một căn kia chẳng nhận biết các trần? Nếu như trong một căn chẳng có thể cùng một lúc nghe thấy cả sáu trần thì nên biết là vô ngã. Cái dụ hướng dẫn ra đó, tuy trải qua trăm năm, người thấy nhân

nơi chỗ thấy đó vẫn không khác. Nhân căn nếu như vậy thì đến lúc tuổi già mắt yếu cũng không khác. Vì người, hương khác nên thấy trong thấy ngoài. Nhân căn nếu như vậy thì lẽ ra bên trong bên ngoài cùng lúc đều thấy. Nếu người chẳng thấy thì vì sao lại có ngã”. Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể thấy?” Ta nói: “Có sắc, có ánh sáng, có tâm, có mắt, bốn duyên này hòa hợp nên gọi là thấy. Trong đây thật không có người thấy người thọ nhận. Vì điên đảo nên chúng sinh cho là có người thấy và người thọ nhận. Do nghĩa này nên chỗ thấy biết của tất cả chúng sinh đều điên đảo, còn chỗ thấy biết của chư Phật, Bồ-tát là chân thật. Này Lục sư! Nếu nói sắc là ngã thì cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì sắc thiệt chẳng phải ngã. Sắc nếu là ngã thì lẽ ra chẳng có hình dạng xấu xí. Cớ sao lại có bốn dòng họ sai khác, đều chẳng đồng một dòng Bà-la-môn? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng được tự tại? Có người tàn tật lúc sinh ra các căn chẳng đầy đủ? Cớ sao chẳng làm thân chư Thiên mà lại lãnh chịu các loại thân địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh? Nếu chẳng được tùy ý tạo tác thì nên biết chắc chắn không có ngã. Vô ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên khổ. Vì khổ nên không. Vì không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sinh bị trôi lăn trong sinh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này Lục sư! Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cho đến sự ràng buộc của thức. Vì thế nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, sắc tức là nhân duyên. Nếu đã là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Nếu vô ngã thì gọi là khổ không. Thân của Như Lai chẳng phải là nhân duyên. Vì chẳng phải là nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì tức là thường, lạc, ngã, tịnh”. Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Sắc cũng chẳng phải ngã, cho đến thức cũng chẳng phải ngã, ngã cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không”. Ta bảo: “Nếu khắp nơi đều có ngã thì lẽ ra nên nói là trước đây tôi chẳng thấy. Nếu ban đầu chẳng thấy thì biết rằng sự thấy này trước không nay có. Nếu trước không nay có thì gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường thì sao lại nói cùng khắp được? Nếu ngã có cùng khắp thì lẽ ra phải có đầy đủ thân trong năm đường. Nếu có đủ thân thì lẽ ra đều thọ quả báo. Nếu đều thọ quả báo thì sao lại nói rằng lưu chuyển thọ thân người, thân trời? Ông nói

ngã có khắp đó là một hay là nhiều? Ngã nếu là một lẽ ra không có cha con, kẻ oán người thân. Ngã nếu là nhiều thì tất cả chúng sinh có năm căn lẽ ra đều bình đẳng, những việc làm và trí tuệ lẽ ra cũng đồng như vậy. Nếu đồng như vậy thì vì sao nói, có người căn đầy đủ và có người không đầy đủ, nghiệp thiện nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau? Lục sư nói: “Này Cù-đàm! Ngã của chúng sinh không có giới hạn, pháp cùng phi pháp thì có giới hạn. Chúng sinh tu tập pháp thì được thân tốt đẹp. Nếu thực hành phi pháp thì thọ thân xấu ác. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sinh chẳng được giống nhau”. Ta bảo: “Này thiện nam! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thì ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thì lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đến tất cả thì người tu tập điều lành lẽ ra cũng có ác, người làm điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy thì vì sao nói là cùng khắp?” Lục sư nói: “Này thiện nam! Ví như trong một nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn đều tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sinh cũng như vậy, tu tập điều lành, làm việc ác chẳng xen lộn nhau”. Ta bảo: “Này thiện nam! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì ánh sáng của ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thì ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sinh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, trụ ở chỗ khác. Ngã của chúng sinh thì không được như vậy là ra khỏi thân ở chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung với bóng tối. Vì sao? Vì như trong căn nhà tối, lúc thấp nhiều ngọn đèn chẳng chiếu sáng, cho đến thấp nhiều ngọn đèn mới được sáng rõ. Nếu ngọn đèn ban đầu xua tan hết bóng tối thì chẳng cần ngọn đèn sau. Nếu cần ngọn đèn sau thì nên biết ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung với bóng tối”. Lục sư nói: “Này Cù-đàm! Nếu vô ngã thì ai làm lành làm ác?” Ta bảo: “Nếu là ngã tạo tác thì vì sao gọi là thường? Nếu ngã là thường thì tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác thì tại sao lại nói ngã không có giới hạn? Nếu là ngã tạo tác thì cố sao lại tu tập pháp ác. Nếu ngã kia là người tạo tác, là người trí thì vì sao sinh tâm nghi ngờ chúng sinh không có ngã? Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo chắc

chấn không có ngã. Nếu nói là ngã thì chính là Như Lai. Vì sao? Vì thân không có giới hạn, vì không có lưới nghi, vì chẳng tạo tác, chẳng thọ nhận cho nên gọi là thường. Vì chẳng sinh chẳng diệt cho nên gọi là lạc, vì không có phiền não cấu uế cho nên gọi là tịnh, vì không có mười tướng cho nên gọi là không. Do đó Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, không, không có các tướng”. Các ngoại đạo nói: “Nếu nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, vì không có các tướng nên không thì phải biết rằng giáo pháp của Cù-đàm nói ra chẳng phải là rỗng không. Vì thế nên nay ta phải cung kính thọ trì”. Lúc đó, có vô lượng người trong hàng ngoại đạo phát sinh lòng tin xuất gia trong pháp Phật.

Này thiện nam! Do nhân duyên ấy nên ở nơi rừng Ta-la song thọ này, Ta hiển bày tiếng rống đại sư tử. Sư tử hống gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Cặp cây bên hướng Đông là tiêu biểu phá vô thường mà được thường, cho đến cặp cây bên hướng Bắc là tiêu biểu phá bất tịnh mà được tịnh. Này thiện nam! Vì Song thọ nên chúng sinh trong đây bảo vệ rừng Ta-la, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh, hái lá, đốn chặt phá hoại cây ấy. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp nên khiến các đệ tử giữ gìn pháp Phật. Những gì gọi là bốn? Đó là thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn Song thọ này là có bốn đại vương chăm sóc. Ta được bốn đại vương giữ gìn pháp của Ta, nên ở trong đây Ta nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Hoa quả của rừng Ta-la song thọ thường tươi tốt, luôn có thể lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng như vậy, thường có thể làm cho Thanh văn, Duyên giác được lợi ích. Hoa là dụ cho ngã, trái là dụ cho lạc. Do nghĩa này nên Ta nhập đại tịch định ở trong rừng Ta-la song thọ này. Đại tịch định là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai nhập Niết-bàn trong tháng hai?

–Này thiện nam! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng mùa xuân muôn vật đều sinh trưởng, gieo trồng cây cối, hoa quả tươi tốt sum suê, sông rạch tràn đầy, trăm thú sinh sản. Lúc này, phần nhiều

chúng sinh có quan niệm là thường. Vì phá tâm của chúng sinh cho là thường như vậy nên Ta nói tất cả các pháp đều là vô thường, chỉ nói Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi. Nay thiện nam! Ở trong sáu thời thì mệnh Đông là khô héo, xác xơ, mọi người chẳng ưa thích. Dương Xuân thời tiết ôn hòa mọi người ham thích. Vì phá sự ưa thích của chúng sinh trong thế gian nên Ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh cũng như vậy. Như Lai vì phá được ngã thế gian và cái tịnh của thế gian nên nói ngã, tịnh chân thật của Như Lai. Nói tháng hai là dụ cho hai loại pháp thân của Như Lai. Mùa đông chẳng ưa thích là người trí chẳng ưa thích Như Lai vô thường nhập vào Niết-bàn. Tháng hai ưa thích là dụ cho người trí ưa thích Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng là dụ cho chúng sinh nghe pháp vui mừng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trồng các căn lành. Sông là dụ cho các Đại Bồ-tát trong mười phương đi đến chỗ Ta học hỏi lãnh thọ kinh điển Đại Niết-bàn này. Trăm thú sinh sản là dụ cho hàng đệ tử của Ta sinh khởi các căn lành. Hoa là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả. Do những nghĩa này nên Ta nhập Đại Niết-bàn trong tháng hai.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Đức Như Lai lúc sơ sinh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân vì diệu đều vào ngày mồng tám, vì sao riêng nhập Niết-bàn vào ngày rằm?

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết-bàn không có khiếm khuyết. Vì nghĩa này nên Như Lai nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm. Nay thiện nam! Như ngày rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều. Những gì là mười một? Một là có khả năng phá tối tăm; hai là làm cho chúng sinh thấy con đường và chẳng phải con đường; ba là khiến chúng sinh thấy con đường tà, con đường chánh; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ an lạc; năm là có thể dập tắt lửa đom đóm của tâm cao ngạo; sáu là dứt tất cả tướng giặc trộm cướp; bảy là trừ tâm sợ ác thú của chúng sinh; tám là có thể

làm nở hoa sen xanh; chín là làm cho hoa khép lại; mười là dẫn dắt tâm của người đi đường tiến lên; mười một là làm cho các chúng sinh ưa thích năm dục được nhiều an lạc. Nay thiện nam! Mặt trăng tròn đầy Như Lai cũng như vậy: một là phá trừ vô minh tăm tối; hai là diễn nói chánh đạo, tà đạo; ba là chỉ rõ đường sinh tử là tà hiểm, Niết-bàn là ngay thẳng; bốn là khiến cho người xa lìa phiền não tham dục, giận dữ, ngu si; năm là phá trừ ngoại đạo vô minh; sáu là phá trừ giấc phiền não trối buộc; bảy là trừ diệt tâm lo sợ năm cái; tám là khai mở tâm gieo trồng căn lành của chúng sinh; chín là che trùm tâm năm dục của chúng sinh; mười một là làm cho các chúng sinh thích tu tập giải thoát. Do những nghĩa này nên Ta nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra Ta chẳng nhập Niết-bàn. Những người ngu si, người ác trong hàng đệ tử của Ta cho rằng, chắc chắn Như Lai nhập Đại Niết-bàn. Ví như người mẹ có đồng con. Bà mẹ ấy bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ ta đã chết, nhưng thật ra bà mẹ này chẳng chết.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những hàng Tỳ-kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ này?

Phật bảo:

–Nay thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào thọ trì đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, thông hiểu đúng nghĩa sâu xa của câu văn ấy, giảng nói cho mọi người trước, giữa, sau đều thiện, vì muốn làm cho vô lượng chúng sinh được lợi ích nên diễn nói phạm hạnh thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của Phật dạy thì Tỳ-kheo A-nan chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan thọ trì đọc tụng Mười hai loại bộ kinh văn, mở bày giảng nói lời và nghĩa đều chân chánh cho mọi người, giống như đem nước rót vào một cái bình khác, Tỳ-kheo A-nan cũng như thế, đúng như điều đã nghe nơi Đức Phật mà chuyển nói lại.

–Nay thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào đạt được Thiên nhãn thanh

tịnh thấy được cái hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới mười phương như thấy trái Am-ma-lạc trong bàn tay thì Tỳ-kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo A-ni-lâu-đà chính là người ấy. Vì sao? Vì A-ni-lâu-đà có thiên nhãn thấy được cái hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến trung ấm đều có thể thấy rõ ràng không chướng ngại.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào ít tham muốn biết vừa đủ, tâm ưa thích vắng lặng, siêng năng tu tập tinh tấn, niệm, định, tuệ, giải thoát thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Ca-diếp chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp khéo tu những pháp thiếu dục tri túc.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào vì lợi ích chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Tam-muội Vô tránh, hạnh Thánh, hạnh Không thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề khéo tu tập hạnh Vô tránh, hạnh Thánh và hạnh Không.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào khéo tu tập thần thông, ở trong một niệm có thể hiện đủ các loại thần thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước và lửa thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Mục-liên là người ấy. Vì sao? Vì Mục-liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào tu tập đại trí, lợi trí, tật trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ các tuệ căn như vậy, đối với kẻ oán người thân tâm không sai khác, hoặc nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết-

bàn cũng chẳng sinh tâm vui mừng thì Tỳ-kheo như vậy mới có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào có thể nói chúng sinh đều có Phật tánh, được thân kim cang không có giới hạn, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đạt được tám pháp tự tại thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Nếu như vậy thì người ấy chính là Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai là thân Kim cang không có giới hạn, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, đầy đủ tám pháp tự tại. Bạch Thế Tôn! Chỉ có Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ, như không có Như Lai thì chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đấng Đại Từ vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta-la song thọ này.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, ông vì sao lại cầu mong Như Lai trụ? Này thiện nam! Phạm nói rằng trụ thì đó là sắc pháp, vì từ nhân duyên sinh nên gọi là trụ, vì nhân duyên không có nơi chốn nên gọi là vô trụ. Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói Như Lai trụ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Này thiện nam! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Vậy ai có kiêu mạn và từ chỗ nào mà đến? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ. Như Lai hoàn toàn dứt sạch tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ là pháp hữu vi. Như Lai hoàn toàn đoạn dứt pháp hữu vi cho nên chẳng trụ. Trụ là pháp không. Như Lai đã dứt pháp không như vậy cho nên đạt được thường, lạc, ngã, tịnh, vì sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ là hai mươi lăm cõi, vì sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ tức là tất cả các phàm phu. Các bậc Thánh thì không đi, không đến, không trụ. Như Lai đã dứt tướng đi, đến, trụ, vì sao lại nói rằng

trụ? Vô trụ là thân vô biên. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ nơi rừng Ta-la. Nếu trụ nơi rừng này thì đó là thân hữu biên. Nếu hữu biên thì là vô thường. Như Lai là thường, sao lại nói trụ? Vô trụ là hư không. Tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói trụ? Lại vô trụ là Tam-muội Kim cang. Tam-muội Kim cang chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là huyễn. Như Lai đồng với huyễn, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là vô thỉ chung. Tánh của Như Lai không có thỉ chung thì vì sao nói rằng trụ? Lại vô trụ là pháp giới vô biên. Pháp giới vô biên tức là Như Lai, sao nói rằng trụ? Lại vô trụ là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm biết tất cả các pháp mà không chấp trước. Vì không chấp trước nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai đầy đủ định Thủ-lăng-nghiêm, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là Xứ-phi-xứ-lực. Như Lai thành tựu Xứ-phi-xứ-lực sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ gọi là Bồ thí Ba-la-mật. Nếu Bồ thí Ba-la-mật mà có trụ thì chẳng đạt đến Trì giới Ba-la-mật, cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Do nghĩa này nên Bồ thí Ba-la-mật gọi là vô trụ. Như Lai cho đến chẳng trụ vào Trí tuệ Ba-la-mật, sao lại nói ngưỡng mong Như Lai thường trụ nơi rừng cây Ta-la? Lại vô trụ gọi là tu bốn niệm xứ. Nếu Như Lai trụ nơi bốn niệm xứ thì chẳng có thể đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ. Lại vô trụ là cõi chúng sinh vô biên. Như Lai đều đạt đến tận cõi vô biên của tất cả chúng sinh mà không có chỗ trụ. Lại vô trụ là không nhà cửa, không nhà cửa là không có, không có là không sinh, không sinh là không chết, không chết là không tướng, không tướng là không trói buộc, không trói buộc là không chấp trước, không chấp trước là vô lậu, vô lậu tức là thiện, thiện tức là vô vi, vô vi tức là Đại Niết-bàn, Đại Niết-bàn tức là thường, thường tức là ngã, ngã tức là tịnh, tịnh tức lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như hư không chẳng trụ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc và bốn phương, trên dưới. Như Lai cũng như vậy, chẳng trụ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc và bốn phương, trên dưới. Đây thiện nam! Nếu người nào nói rằng thân, miệng, ý ác mà được quả lành thì không có lẽ ấy. Thân, miệng, ý lành mà thọ quả ác thì

cũng không đúng. Nếu nói phàm phu thấy được Phật tánh, Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tánh thì cũng không đúng. Hàng Nhất-xiển-đề phạm năm tội nghịch, hủy báng kinh Phương Đẳng, phá bốn trọng tội mà đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không đúng. Bồ-tát Lục Trụ do nhân duyên phiền não mà đọa trong ba đường ác cũng không đúng. Đại Bồ-tát dùng thân người nữ, thật mà đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không đúng. Hạ Nhất-xiển-đề là thường, Tam bảo là vô thường cũng không đúng. Như Lai trụ nơi thành Câu-thi-na này cũng không đúng. Nay thiện nam! Nay Như Lai ở nơi thành Câu-thi-na này nhập vào Đại Tam-muội, vào sâu cảnh giới thiền định, nhưng vì chúng sinh chẳng thấy Như Lai nên gọi là nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Đức Như Lai cơ sao nhập vào cảnh giới thiền định?

–Nay thiện nam! Vì muốn độ thoát các chúng sinh, vì khiến người chưa gieo trồng căn lành được gieo trồng, đã gieo trồng căn lành rồi thì được tăng trưởng, người đã thuần thực rồi liền nói hường đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho người khinh chê pháp thiện sinh tâm tôn trọng, làm cho những người buông lung xa lìa sự buông lung, vì cùng các Đại Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi luận bàn, vì muốn giáo hóa người ưa đọc tụng, ưa thích thiền định, vì đem Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh giáo hóa chúng sinh, vì quán sát tạng pháp bất cộng sâu xa, vì muốn quở trách hàng đệ tử buông lung rằng Như Lai thường vắng lặng mà còn ưa thích thiền định, hướng chi các ông chưa dứt phiền não mà sinh tâm buông lung, vì muốn quở trách các Tỳ-kheo ác thọ nhận cất chứa tám thứ vật bất tịnh và chẳng thiếu dục, chẳng tri túc, vì làm chúng sinh tôn trọng pháp thiền định đã được nghe, do những nhân duyên trên đây nên Như Lai nhập vào cảnh giới thiền định.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Định vô tướng gọi là Đại Niết-bàn. Vì thế, nên Niết-bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

–Nay thiện nam! Vì không có mười tướng. Những gì là mười

tướng? Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng hoại, tướng nam và tướng nữ. Vì không có mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Người chấp tướng thì có thể sinh ra si, vì si nên sinh ái, vì ái nên bị ràng buộc, vì bị ràng buộc nên thọ sinh, vì thọ sinh nên có tử, vì tử nên vô thường. Người chẳng chấp tướng thì chẳng sinh si, vì si chẳng sinh nên không có ái, vì không có ái nên không bị ràng buộc, vì không bị ràng buộc nên chẳng thọ sinh, vì chẳng thọ sinh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết-bàn gọi là thường.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể dứt hẳn mười tướng?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào luôn luôn tu tập ba loại tướng thì dứt được mười tướng. Đó là: luôn luôn tu tập tướng định Tam-muội, luôn luôn tu tập tướng trí tuệ, luôn luôn tu tập tướng xả. Đây gọi là ba tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng định, tuệ và xả? Định là Tam-muội, tất cả chúng sinh đều có Tam-muội, vì sao nay mới nói rằng tu tập Tam-muội? Nếu tâm ở một cảnh thì gọi là Tam-muội, nếu lại duyên cảnh khác thì chẳng gọi là Tam-muội. Nếu như chẳng định thì chẳng phải là Nhất thiết trí, chẳng phải là Nhất thiết trí thì vì sao gọi là định. Nếu do một hạnh mà được Tam-muội thì các hạnh khác cũng chẳng phải Tam-muội. Nếu chẳng phải Tam-muội thì chẳng phải là Nhất thiết trí. Nếu chẳng phải Nhất thiết trí thì vì sao gọi là Tam-muội? Hai tướng tuệ và xả cũng lại như thế.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, duyên nơi một cảnh được gọi là Tam-muội, còn duyên tất cả các cảnh khác chẳng gọi là Tam-muội thì nghĩa không đúng. Vì sao? Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh nên hạnh cũng như vậy. Ông lại nói chúng sinh trước có Tam-muội chẳng cần tu tập, thì điều này cũng không

đúng. Vì sao? Vì nói Tam-muội đây là thiện Tam-muội, thật ra, tất cả chúng sinh chưa có thì sao lại cho rằng chẳng cần tu tập? Do trụ trong thiện Tam-muội như vậy mà quán sát tất cả các pháp thì gọi là tướng thiện tuệ. Chẳng thấy tướng Tam-muội và trí tuệ sai khác thì gọi là tướng xả.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu chấp tướng sắc chẳng có thể quán sát tướng thường, vô thường của sắc thì gọi là Tam-muội. Nếu có thể quán sát tướng thường và vô thường của sắc thì gọi là tướng tuệ; Tam-muội và tuệ bình đẳng quán tất cả các pháp thì gọi là tướng xả. Này thiện nam! Như người đánh xe, bốn ngựa giỏi điều khiển được chậm mau vừa phải gọi là tướng xả. Bồ-tát cũng như vậy, nếu Tam-muội nhiều thì tu tập trí tuệ, nếu trí tuệ nhiều thì tu tập Tam-muội. Tam-muội cùng trí tuệ đồng nhau thì gọi là xả. Này thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ sức trí tuệ nhiều sức Tam-muội ít, do đó nên chẳng được thấy rõ Phật tánh. Thanh văn và Duyên giác sức Tam-muội nhiều trí tuệ ít, vì nhân duyên này nên chẳng thấy được Phật tánh. Vì thiên định và trí tuệ của chư Phật Thế Tôn đồng nhau nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại, như xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Thấy Phật tánh gọi là tướng xả. Xa-ma-tha gọi là năng diệt, vì có thể dứt trừ phiền não trói buộc. Lại Xa-ma-tha gọi là năng điều, vì có thể chế ngự các căn ác chẳng lành. Lại Xa-ma-tha gọi là tịch tĩnh, vì có thể làm cho ba nghiệp thành tịch tĩnh. Lại Xa-ma-tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sinh xa lìa năm dục. Lại Xa-ma-tha gọi là năng thanh, vì có thể lắng trong ba pháp như đục tham dục, giận dữ và ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng định. Tỳ-bà-xá-na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến. Đó gọi là tuệ. Ưu-tất-xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tránh, cũng gọi là bất quán, cũng gọi là bất hành. Đó gọi là xả. Này thiện nam! Có hai loại Xa-ma-tha: một là thế gian và hai là xuất thế gian. Lại có hai loại: một là thành tựu và hai là chẳng thành tựu. Loại thành tựu là chư Phật, Bồ-tát. Loại chẳng thành tựu là hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Lại có ba bậc, đó là hạ, trung và thượng. Hạ là chỉ cho các phàm phu. Trung là chỉ cho Thanh văn và Duyên giác. Thượng là chỉ cho chư Phật, Bồ-tát.

Lại có bốn thứ: một là thoái, hai là trụ, ba là tấn và bốn là có thể lợi ích lớn. Lại có năm loại, đó là năm trí Tam-muội. Những gì là năm? Một là Tam-muội vô thực, hai là Tam-muội vô quá, ba là Tam-muội thân ý thanh tịnh nhất tâm, bốn là Tam-muội nhân quả đều an lạc, năm là Tam-muội thường nhớ nghĩ. Lại có sáu loại: một là Tam-muội quán xương, hai là Tam-muội từ, ba là Tam-muội quán mười hai nhân duyên, bốn là Tam-muội quán đếm hơi thở, năm là Tam-muội chánh niệm giác quán, sáu là Tam-muội quán sinh, trụ, dị, diệt. Lại có bảy loại, đó là bảy giác phần: Một là niệm xứ giác phần, hai là trạch pháp giác phần, ba tinh tấn giác phần, bốn là hỷ giác phần, năm là từ giác phần, sáu là định giác phần, bảy là xả giác phần. Lại có bảy loại: một là Tam-muội Tu-đà-hoàn, hai là Tam-muội Tư-đà-hàm, ba là Tam-muội A-na-hàm, bốn là Tam-muội A-la-hán, năm là Tam-muội Phật-bích-chi, sáu là Tam-muội Bồ-tát, bảy là Tam-muội Như Lai Giác Tri. Lại có tám loại, đó là tám Tam-muội giải thoát: Một là Tam-muội trong có tướng sắc, ngoài quán sắc giải thoát, hai là Tam-muội trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc giải thoát, ba là Tam-muội tịnh giải thoát thân chứng, bốn là Tam-muội Khôngxứ giải thoát, năm là Tam-muội Thức xứ giải thoát, sáu là Tam-muội Vô sở hữu xứ giải thoát, bảy là Tam-muội Phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát, tám là Tam-muội Diệt tận định xứ giải thoát. Lại có chín loại, đó là chín thứ đệ định: Bốn Thiền, bốn Không và Tam-muội Diệt tận định. Lại có mười loại, đó là mười Tam-muội Nhất thiết xứ: Một là Tam-muội Địa nhất thiết xứ, hai là Tam-muội Thủy nhất thiết xứ, ba là Tam-muội Phong nhất thiết xứ, bốn là Tam-muội Thanh nhất thiết xứ, năm là Tam-muội Huỳnh nhất thiết xứ, sáu là Tam-muội Xích nhất thiết xứ, bảy là Tam-muội Bạch nhất thiết xứ, tám là Tam-muội Không nhất thiết xứ, chín là Tam-muội Thức nhất thiết xứ, mười là Tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ. Lại có vô số loại (Tam-muội), đó là cửa chư Phật, Bồ-tát. Đây thiện nam! Đó gọi là tướng Tam-muội. Đây thiện nam! Tuệ có hai thứ: Một là thế gian và hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: Một là Bát-nhã, hai là Tỳ-bà-xá-na, ba là Xà-na. Bát nhã gọi là tất cả chúng sinh, Tỳ-bà-xá-na là tất cả Thánh nhân, Xà-na là chư Phật và Bồ-tát.

Lại Bát-nhã gọi là Biệt tướng, Tỳ-bà-xá-na gọi là Tổng tướng, Xà-na gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ, đó là quán bốn Chân đế. Nay thiện nam! Vì ba việc nên tu Xa-ma-tha. Những gì là ba việc? Một là chẳng buông lung, hai là trang nghiêm đại trí, ba là được tự tại. Lại nữa, vì ba việc nên tu Tỳ-bà-xá-na. Những gì là ba? Một là quán quả báo ác của sinh tử, hai là muốn các căn lành tăng trưởng, ba là phá tất cả các phiền não.

